

Dì'wǔ Kè : Nǐ xǐhuan zuò shénme ?

Name :

Learn new words and phrases

Word (pinyin)	Word(Hanzi)	Type meaning in Bahasa Melayu	Speak in Mandarin
xué	学		
tiàowǔ	跳舞		
yǒu kòng	有空		
diànshì	电视		
chànggē	唱歌		
chángcháng	常常		
wán yóuxì	玩游戏		
zhèngzài	正在		
tīnggē	听歌		
shàngwǎng	上网		
diànyǐng	电影		
Huáyǔ piàn	华语片		
mǎi dōngxi	买东西		
sùshè	宿舍		
kàn bàozhǐ	看报纸		
kèběn	课本		
dǎ bǎolíngqiú	打保龄球		